TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 88/2019/KDTM-PT
Ngày 24/01/2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Khắc Tuấn.**

Các thẩm phán: 1. Bà **Võ Thị Sang**

2. Bà **Trần Thị Thương**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Duyên**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy Ái** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/01/2019 và 24/01/2019 tại trụ sở tòa án đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/KDTM-PT ngày 04/10/2018 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/KDTM-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân quận TB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5251/2018/QĐPT-KDTM ngày 08/11/2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 10398/2018/QĐ-PT ngày 24/12/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dệt May Thương mại TM**

Địa chỉ: 45 B đường ĐH, Phường T, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện: Bà Lê Uyên P - Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Có Luật sư Võ Thúy H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;

Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư P** (tên cũ là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên KD SG)

Địa chỉ: 18 đường SN, Phường H, quận TB,Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện: Ông Huỳnh Hoàng S - Giấy ủy quyền số 01/2016-UQ ngày 12/9/2016 của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Có Luật sư Nguyễn Trọng N bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân Hàng N (Chi nhánh A Thành phố Hồ Chí Minh)**

Địa chỉ: 310- 312- 314 đường CH, Phường B, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện: Ông Đào Văn B – Văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 và Giấy ủy quyền lại số 789/UQ-CNAP ngày 22/8/2016 - yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư P.

Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 29/12/2015 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên KD SG (gọi tắt là Công ty KD SG nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư P) ký Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12 bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dệt May Thương mại TM (gọi tắt là Công ty TM) 5.800 tấn thép cuộn JIUJIANG phi 6.5mm (dung sai +- 10%); tiêu chuẩn Sea 1008B; đơn giá 7.600.000đ/tấn, thành tiền là 44.080.000.000đ. Bên mua thanh toán trước toàn bộ tiền mua hàng. Thời gian giao hàng:

Ngày 30/01/2016 giao 2.000 tấn

Ngày 28/02/2016 giao 2.000 tấn

Ngày 25/3/2016 giao 1.800 tấn

Ngày 29/12/2015, Công ty TM và Công ty KD SG cùng Ngân Hàng N (Chi nhánh A, Thành phố Hồ Chí Minh, gọi tắt là AA) đã ký Hợp đồng số 01/HĐBB/AP-TM-KD về việc AA sẽ cho Công ty TM vay 2.000.000USD để mua nguyên liệu sản xuất thép tròn JIUJIANG phi 6.5mm tiêu chuẩn Sea 1008B với số lượng và chất lượng quy định tại Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12. Số tiền cho vay được bảo đảm bằng toàn bộ lô thép hình thành từ Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12 và số thép hiện có tại kho của Công ty TM. Căn cứ thỏa thuận, AA đã giải ngân, Công ty TM đã ký giấy nhận nợ với AA.

Ngày 29/12/2015 Công ty TM thanh toán số tiền 44.080.000.000đ cho Công ty KD SG.

Ngày 30/01/2016, Công ty KD SG không giao hàng cho Công ty TM.

Ngày 17/3/2016, qua hộp thư điện tử khangduysgpq@gmail.com Công ty TM nhận được văn bản đề tên Công ty KD SG thông báo cho Công ty TM và AA sẽ giao hàng từ ngày 21/3/2016 đến hết ngày 30/3/2016 với số lượng 2.444 cuộn, trọng lượng 5.120 tấn thép dây 6.5mm; tiêu chuẩn Sea 1008B (Boron: 0.008 Pct min) do nhà máy của HEBEI ANFENG IEON & STEEL CO.; LTD sản xuất.

Từ ngày 22/3/2016 đến ngày 04/4/2016, Công ty KD SG đã giao cho Công ty TM 4.224,12 tấn thép cuộn phi 6.5mm, tiêu chuẩn Sea 1008B (Boron: 0.008 Pct min) do nhà máy của HEBEI ANFENG IEON & STEEL CO.; LTD sản xuất.

Ngày 05/4/2016, Công ty TM có Văn bản số 04-16/CV-TM thông báo cho Công ty KD SG và AA biết số hàng Công ty KD SG đã giao không đúng chủng loại và không đủ số lượng theo thỏa thuận; đề nghị Công ty KD SG đổi hàng đúng chủng loại và giao đủ số lượng theo thỏa thuận.

Cùng ngày 05/4/2016, Công ty KD SG có văn bản phản hồi cho rằng đã giao nhầm lô hàng cho Công ty TM. Do đó, đề nghị cho Công ty KD SG được nhận lại lô hàng này, Công ty KD SG sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận, chịu phạt 5% và chịu lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký.

Ngày 04/5/2016, Công ty KD SG có Văn bản số 18/2016/CV-KD thông báo chỉ có thể giao được 79.000 kg thép của nhà máy JIUJIANG nên công ty chấp nhận chịu phạt 5% theo hợp đồng và đề nghị Công ty TM trả lại số thép đã giao nhầm chậm nhất là ngày 15/5/2016. Quá hạn này coi như Công ty TM đã chấp nhận mua lô hàng này theo giá thị trường thời điểm 04/5/2016 trừ đi 1.000đ/kg.

Ngày 24/6/2016, Công ty TM đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1) Buộc Công ty KD SG:

- Phải xuất hóa đơn của 4.224,12 tấn thép cuộn phi 6.5mm, tiêu chuẩn Sea 1008B (Boron: 0.008 Pct min) do nhà máy của HEBEI ANFENG IEON & STEEL CO.; LTD sản xuất, đơn giá (đã có 10% thuế giá trị gia tăng) là 7.600.000đ/tấn, thành tiền là 32.103.312.000đ mà Công ty TM đã nhận theo Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12 và Hợp đồng số 01/HĐBB/AP-TM-KD.

- Phải hoàn trả Công ty TM số tiền là 676.688.000đ mà Công ty TM đã ứng trước cho Công ty KD SG tương ứng với 1.578,88 tấn thép mà Công ty KD SG đã không giao cho Công ty TM.

- Thanh toán trả Công ty TM số tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 5% giá trị của 1.578,88 tấn thép mà Công ty KD SG đã không giao đủ cho Công ty TM, thành tiền là 598.834.400đ.

- Bồi thường cho Công ty TM khoản tiền lãi của số tiền đã nhận là 11.976.668.000đ, tạm tính từ ngày 04/4/2016 đến ngày 30/6/2016 với lãi suất 2,53% một năm, thành tiền là 73.054.515đ.

- Bồi thường cho Công ty TM khoản tiền lãi mà Công ty TM đã trả cho AA và Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 12,Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Viettinbank-CN12) để vay tiền mua 1.420.135kg thép (bù vào số thép mà Công ty KD SG đã giao thiếu), thành tiền là 151.853.670đ.

- Bồi thường cho Công ty TM số tiền chênh lệch giá giữa giá hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12 với giá thị trường tại thời điểm tranh chấp, thành tiền là 8.352.216.400đ.

2) Yêu cầu AA phải giải tỏa việc phong tỏa số tiền 11.300.000.000đ để giảm số dư nợ của Công ty TM.

Ngày 04/7/2016, AA có Văn bản số 603/CNAP-KHKD/CV thông báo cho Công ty TM biết, theo yêu cầu của Công ty KD SG, AA đã chuyển số tiền 11.300.000.000đ từ tài khoản của Công ty KD SG vào tài khoản phong tỏa của Công ty TM cho đến khi có sự thỏa thuận về hướng xử lý của cả 3 bên.

Ngày 03/11/2016, AA hủy bỏ việc phong tỏa số tiền 11.300.000.000đ.

Theo yêu cầu của Công ty KD SG, ngày 12/7/2017 Tòa án nhân dân quận TB có Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 34/2017/QĐBPKCTT cấm Công ty TM sử dụng số thép mà Công ty KD SG đã giao nhầm, số lượng theo xác nhận của Công ty TM là 3.900 tấn. Công ty TM có trách nhiệm bảo quản thích hợp, tránh hư hỏng đối với số thép này.

Theo yêu cầu của Công ty KD SG, Tòa án cũng đã trưng cầu Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường 3 xác định số lượng và chất lượng thép cuộn phi 6.5mm, tiêu chuẩn Sea 1008B (Boron: 0.008 Pct min) do nhà máy của HEBEI ANFENG IEON & STEEL CO.; LTD sản xuất còn lưu giữ tại kho của Công ty TM. Ngày 24/11/207, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường 3 có Thông báo kết quả giám định số 0397/N1.17/TM, xác định số lượng thép cuộn phi 6.5mm, tiêu chuẩn Sea 1008B (Boron: 0.008 Pct min) do nhà máy của HEBEI ANFENG IEON & STEEL CO.; LTD sản xuất còn lưu giữ tại kho của Công ty TM là 662 tấn.

Theo trình bày của Công ty KD SG: Công ty KD SG không thể giao đúng thép JIUJIANG cho Công ty TM do nhà cung cấp của Công ty KD SG là Công ty Hồng Kông Grand International Co.;ltd đã không giao số hàng mà Công ty KD SG đã theo Hợp đồng số D09GDF039 ký giữa 2 bên ngày 16/01/2016. Công ty KD SG không đồng ý xuất hóa đơn của 4.224,12 tấn thép ANFENG vì đây là số thép công ty đã giao nhầm cho Công ty TM. Thông báo giao hàng đề ngày 17/3/2016 mà Công ty TM nhận được từ hộp thư điện tử khangduysgpq@gmail.com không phải là của Công ty KD SG. Công ty không

đồng ý thanh toán các khoản tiền bồi thường mà Công ty TM đã yêu cầu vì Công ty TM không chứng minh được đó là các thiệt hại thực tế, trực tiếp của Công ty TM; đồng thời phản tố đòi Công ty TM phải hoàn trả Công ty KD SG 4.224,12 tấn thép ANFENG đã nhận.

Theo trình bày của Công ty TM: Ngày 24/02/2016, qua hộp thư điện tử khangduysgpq@gmail.com Công ty TM nhận được Văn bản đề ngày 28/01/2016 của Công ty KD SG thông báo việc không thể giao hàng theo thời hạn đã thỏa thuận và xin được giao toàn bộ 5.800 tấn thép cho Công ty TM vào ngày 15/3/2016 nhưng đến ngày 15/3/2016 Công ty KD SG vẫn không thực hiện việc giao hàng. Ngày 04/7/2016, Công ty KD SG có Văn bản số 06/KDSG/2016/CV cam kết thực hiện Hợp đồng số 01/HĐBB/AP-TM-KD đã ký giữa 3 bên, Công ty KD SG đồng ý bán cho Công ty TM số thép ANFENG mà Công ty TM đang giữ với giá 7.600đ/kg theo Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12, với điều kiện:

- Công ty TM phải chịu chi phí bốc xếp, chi phí cân, phí nâng, hạ hàng tại cảng.

- Công ty TM phải có văn bản thu hồi lại các văn bản đã phát hành trước đây đối với Công ty KD SG và AA.

- Công ty TM phải có văn bản thông báo Công ty KD SG đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12 và Hợp đồng số 01/HĐBB/AP-TM-KD. Đồng thời cam kết không khiếu kiện Công ty KD SG và AA.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty TM không đồng ý với phản tố của bị đơn, đồng thời yêu cầu buộc Công ty KD SG:

- Phải xuất hóa đơn của 4.224,12 tấn thép cuộn phi 6.5mm, tiêu chuẩn Sea 1008B (Boron: 0.008 Pct min) do nhà máy của HEBEI ANFENG IEON & STEEL CO.; LTD sản xuất, đơn giá (đã có 10% thuế giá trị gia tăng) là 7.600.000đ/tấn, thành tiền là 32.103.312.000đ mà Công ty TM đã nhận theo Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12 và Hợp đồng số 01/HĐBB/AP-TM-KD.

- Phải hoàn trả Công ty TM số tiền là 676.688.000đ mà Công ty TM đã ứng trước cho Công ty KD SG nhưng Công ty KD SG không có thép để giao cho Công ty TM.

- Thanh toán trả Công ty TM số tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 5% giá trị của 1.578,88 tấn thép mà Công ty KD SG đã không giao đủ cho Công ty TM theo giá mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng, thành tiền là 598.834.400đ.

- Bồi thường cho Công ty TM khoản tiền lãi của số tiền đã nhận là 11.300.000.000đ từ ngày 31/12/2015 đến ngày 04/11/2016 (làm tròn 10 tháng), với lãi suất 2,53% một năm, thành tiền là 238.241.666đ.

- Bồi thường cho Công ty TM khoản tiền lãi của số tiền đã nhận là 676.688.000 từ ngày 31/12/2015 đến ngày 09/3/2017 (làm tròn 14 tháng), với lãi suất 2,53% một năm, thành tiền là 19.973.574,14đ.

- Bồi thường cho Công ty TM khoản tiền lãi mà Công ty TM đã trả cho AA và Viettinbank-CN12 để vay tiền mua 1.420.135kg thép (bù vào số thép mà Công ty KD SG đã giao thiếu), thành tiền là 151.853.670đ.

- Bồi thường cho Công ty TM số tiền chênh lệch giá giữa giá hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12 với giá Công ty TM đã mua của 1.420.135kg để bù vào số thép mà Công ty KD SG đã giao không đủ, thành tiền là 4.774.237.631đ.

Tổng số tiền phải thanh toán là 6.459.828.941đ.

Công ty KD SG cũng giữ nguyên các ý kiến và các yêu cầu đã nêu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/KDTM-ST ngày 14/8/2018, Tòa án nhân dân quận TB đã quyết định:

1) Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty KD SG:

- Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật phải xuất hóa đơn của 4.224,12 tấn thép cuộn phi 6.5mm, tiêu chuẩn Sea 1008B (Boron: 0.008 Pct min) do nhà máy của HEBEI ANFENG IEON & STEEL CO.; LTD sản xuất, đơn giá (đã có 10% thuế giá trị gia tăng) là 7.600.000đ/tấn, thành tiền là 32.103.312.000đ mà Công ty TM đã nhận theo Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12 ngày 29/12/2015 và Thông báo giao hàng ngày 17/3/2016 cho Công ty TM. Quá thời hạn quy định mà Công ty KD SG không thực hiện thì Công ty TM được quyền sở hữu toàn bộ số thép trên và có quyền kê khai hàng hóa với cơ quan thuế có thẩm quyền để sử dụng lô hàng và có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Thuế hiện hành.

- Phải hoàn trả, chịu phạt phạt, bồi thường cho Công ty TM tổng số tiền là 6.459.828.941đ.

Thời hạn thanh toán: Khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp chậm thanh toán thì phải trả thêm số tiền lãi với mức lãi bằng mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2) Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Công ty TM đòi Agribank phải thanh toán số tiền 11.300.000.000đ và yêu cầu của Công ty TM đòi Công ty KD SG phải thanh toán số tiền là 3.577.978.770đ.

3) Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 34/2017/QĐBPKCTT ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân quận TB.

4) Bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngoài ra, bản án còn có phần quyết định về án phí, hoàn lại một phần tiền tạm ứng án phí; việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/8/2018 Công ty KD SG đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 12/9/2018 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị bản án sơ thẩm với lý do:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng vì không làm thủ tục thủ lý bổ sung yêu cầu phản tố của bị đơn sau khi bị đơn đã nộp tạm ứng án phí, không ban hành thông báo thụ lý bổ sung yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng lại bác yêu cầu này của bị đơn.

- Tòa án cấp sơ thẩm công nhận giá thép tại Hợp đồng mua bán thép số 09-TT/HĐMB ngày 10/5/2015 giữa Công ty TM và Công ty Thép TT để xác định mức thiệt hại mà Công ty KD SG phải bồi thường cho Công ty TM khi hợp đồng này không nêu rõ chất lượng, tiêu chuẩn thép và thời điểm ký kết hợp đồng xảy trước ngày Công ty TM ký hợp đồng mua thép của Công ty KD SG là chưa đủ cơ sở và không đúng với thực tế.

Ngày 15/10/2018, Công ty KD SG được đổi tên thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư P (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0311239898, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15/10/2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh –Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu tại phiên tòa sơ thẩm và cung cấp thêm 2 tài liệu:

- Văn bản ngày 30/12/2016 của Công ty TNHH TM Thép TT (gọi tắt là Công ty Thép TT) thông báo về việc Hợp đồng mua bán số 09-TT/HĐMB đã đánh máy nhầm ngày ký từ ngày 10/5/2016 ngày 10/5/2015.

- Văn bản số 57217/CCT.TB-KT4 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thuế quận TB xác nhận việc kê khai thuế của Công ty TM đối với các lô thép mà Công ty TM đã mua của Công ty Thép TT và Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là Công ty SMC).

Bị đơn vẫn giữa nguyên kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu phản tố đồng thời cung cấp thêm Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0311239898, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15/10/2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh –Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp có thể hiện nội dung Công ty KD SG được đổi tên thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư P.

Bị đơn và Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn phát biểu ý kiến cho rằng hai bên không hề có thỏa thuận là giao dịch với nhau bằng emai, không có gì chứng minh email trên máy tính đã được nguyên đơn mời thừa phát lại lập vi

bằng là email của Công ty KD SG, việc Tòa án cấp sơ thẩm công nhận email do thừa phát lại lập vi bằng là emil của bị đơn là không có căn cứ. Ông Phạm Vĩnh Đức (Phó giám đốc Công ty KD SG) không phải là người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của Công ty KD SG nên Công ty KD SG chỉ thừa nhận thông báo gửi Công ty TM về việc lùi ngày giao hàng là của Công ty KD SG, còn các các thư điện từ, văn bản khác do ông Đức ký gửi Công ty TM không phải là của Công ty KD SG. Công ty KD SG đã giao nhầm cho Công ty TM 4.224,12 tấn thép ANFENG. Thép mà hai bên thỏa thuận mua bán là thép JIUJIANG, 2 bên không hề có thỏa thuận thay thế thép do nhà máy JIUJIANG sản xuất bằng thép do nhà máy ANFENG sản xuất cũng như giá của thép ANFENG là bao nhiêu. Do đó không thể buộc bị đơn xuất hóa đơn của 4.224,12 tấn thép này cho nguyên đơn. Do giá thép tăng nên nguyên đơn mới không chịu hoàn trả bị đơn số thép mà bị đơn đã giao nhầm. Nguyên đơn mua thép về để sản xuất sau đó mới bán ra, nếu mua nguyên liệu giá cao thì bán sản phẩm giá cao nên việc nguyên đơn phải mua thép của nhà cung cấp khác với giá cao không phải là thiệt hại thực tế do bị đơn đã gây ra cho nguyên đơn. Việc Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào công văn của Hiệp hội thép để cho rằng thép do nhà máy JIUJIANG sản xuất và thép do nhà máy ANFENG sản xuất tương đồng với nhau về chất lượng và giá cả là không đúng pháp luật vì từ tháng 8/2017 Việt Nam đã không còn nhập thép của JIUJIANG nữa nên không thể có giá của sản phẩm này vào năm 2018, đồng thời Hiệp hội thép không có chức năng giám định hàng hóa và định giá hàng hóa. Mặt khác, theo thỏa thuận tại hợp đồng thì số lượng hàng hóa được quyền giao dộng +/- 10%, Tòa án sơ thẩm phạt bị đơn 5% trị giá hàng hóa giao thiếu nhưng không trừ khoản 10% này trước khi tính là không chính xác. Về thủ tục tố tụng thì Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục về việc thông báo yêu cầu phản tố của bị đơn, vi phạm này đã bị Viện kiểm sát kháng nghị. Số thép mà bị đơn giao nhầm cho nguyên đơn đã bị nguyên đơn sử dụng một phần nên không còn đủ để Tòa án buộc nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn. Tòa án đã có quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời giữa nguyên hiện trạng số thép này nhưng Cơ quan Thi hành án dân sự đã để cho nguyên đơn tiêu thụ. Bị đơn đã khiếu nại Cơ quan Thi hành án dân sự, khiếu nại này chưa được Cơ quan Thi hành án dân sự giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm không tạm đình chỉ vụ án để đợi Cơ quan Thi hành án dân sự giải quyết mà lại xét xử luôn vụ án là không đúng pháp luật. Vụ án có liên quan đến ông Phạm Vĩnh Đức nhưng Tòa án sơ thẩm không triệu tập ông Đức tham gia tố tụng để làm rõ vụ việc. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn có cung cấp một số chứng cứ mới, ngay tại phiên tòa này bị đơn không thể có đủ thời gian để nghiên cứu và nêu ý kiến về các chứng cứ mới này. Mặt khác, đến phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn mới cung cấp các chứng cứ này, đề nghị Tòa án cần xem xét xem các chứng cứ này có đủ điều kiện để được chấp nhận hay không. Trường hợp xét thấy việc thu thập chứng cứ đã đầy đủ thì đề nghị tòa án sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Trường hợp chưa

đủ chứng cứ thì đề nghị Tòa án hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Nguyên đơn và Người bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn cho rằng 4.224,12 tấn thép ANFENG mà bị đơn giao cho nguyên đơn về chủng loai và giá cả đều giống với thép JIUJIANG, chỉ khác nhau về nhà sản xuất. Bị đơn giao cho nguyên đơn số thép này là giao theo hợp đồng đã ký giữa 2 bên và nguyên đơn chấp nhận nhận số thép này. Tuy nhiên, do khi ký thỏa thuận thế chấp cho AA, nguyên đơn và bị đơn xác định là thép JIUJIANG nên ngày 05/4/2016 nguyên đơn mới có văn bản báo cho bị đơn về việc hàng giao không đúng chủng loại mà hai bên đã thỏa thuận để bị đơn biết và có văn bản cùng nguyên đơn điều chỉnh lại hồ sơ thế chấp cho phù hợp với thực tế của hàng hóa. Từ trước tới nay nguyên đơn chưa hề gặp bà Trịnh Thị Tiến - giám đốc (người đại diện theo pháp luật của Công ty KD SG). Do AA giới thiệu ông Phạm Vĩnh Đức với nguyên đơn nên nguyên đơn mới biết và ký hợp đồng với bị đơn. Thông báo giao hàng, việc giao nhận hàng hóa do ông Đức thực hiện. Hộp thư điện tử mà ông Đức giao dịch là hộp thư của Công ty KD SG. Hộp thư này cũng được Công ty KD SG sử dụng để giao dịch với AA. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn cũng đã có yêu cầu bị đơn phải có văn bản ủy quyền cho ông Đức giao dịch với nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện việc này. Tuy nhiên, ông Đức là Phó giám đốc của Công ty KD SG đồng thời là con trai của bà Tiến nên bị đơn không thể nói là giao dịch của ông Đức với nguyên đơn, bà Tiến không biết và không có ủy quyền cho ông Đức. Giá bán thép là giá mà nguyên đơn đã ký với đối tác nước ngoài từ trước nên không thể tùy tiện điều chỉnh được. Đúng là giá thép lên nên nguyên đơn mới bị thiệt hại nhưng thiệt hại này là do bị đơn gây ra. Theo quy định của Luật Thương mại thì quyền sở hữu hàng hóa là động sản được chuyển từ người bán qua người mua kể từ thời điểm nhận hàng nên 4.224,12 tấn thép ANFENG này là tài sản thuộc sở hữu của Công ty TM. Việc nguyên đơn chấp nhận nhận 4.224,12 tấn thép ANFENG cũng là để hạn chế bớt các thiệt hại do vi phạm mà bị đơn đã gây ra. Các thiệt hại mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường đều là các thiệt hại thực tế do vi phạm của bị đơn đã gây ra cho nguyên đơn. Các tài liệu mà nguyên đơn mới cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm không phải là các chứng cứ mới mà là các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp để làm rõ thêm các thiệt hại của nguyên đơn sau khi Viện kiểm sát có kháng nghị cho rằng thời điểm ký Hợp đồng số 09-TT/HĐMB là ngày 10/5/2015 và tiền chênh lệch của số thép đã mua theo hợp đồng này không phải là thiệt hại thực tế của nguyên đơn. Về thủ tục tố tụng, khi bị đơn có yêu cầu phản tố, nguyên đơn có nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý yêu cầu này và Tòa án cũng có hòa giải về yêu cầu này. Nếu có thiếu sót gì về việc thông báo thụ lý yêu cầu này cho Viện kiểm sát thì cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của bị đơn, tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng thực hiện đúng các quy định của thủ tục tố tụng. Trong việc giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục thông báo thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn cho các đương sự là có vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên khi có yêu cầu phản tố, bị đơn đã thực hiện đúng các thủ tục quy định, yêu cầu phản tố này cũng đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết cho nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại. Về nội dung vụ việc, đề nghị Tòa án chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát đối với phần hàng hóa mà nguyên đơn đã mua của Công ty Thép TT theo Hợp đồng mua bán số 09-TT/HĐMB không phải là thiệt hại thực tế do vi phạm của bị đơn gây ra vì hợp đồng được ký trước thời điểm vi phạm hợp đồng của bị đơn và hợp đồng không nêu rõ chủng loại hàng hóa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự, của những người bảo vệ quyền lợi cho các đương sự;

Sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của Công ty KD SG nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư P và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm đúng thời hạn và thủ tục kháng cáo.

Xét: Trong quá trình giải quyết vụ án, ngoài việc không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty KD SG còn yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn phải trả lại 4.224,12 tấn thép mà bị đơn đã giao cho nguyên đơn. Ngày 20/10/2016, Công ty KD SG đã nộp số tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu phản tố của mình. Ngày 24/10/2016, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành thông báo thụ lý bổ sung yêu cầu của bị đơn nhưng không có tài liệu thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt thông báo này cho các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nên kháng nghị của Viện kiểm sát về việc Tòa án đã vi phạm về thủ tục tố tụng trong việc thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, thực chất việc giải quyết các vấn đề liên quan đến 4.224,12 tấn thép đã được nguyên đơn nêu ra trong đơn khởi kiện và nằm trong nội dung khởi kiện của nguyên đơn mà Tòa án đã thụ lý. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn liên quan đến 4.224,12 tấn thép là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có cung cấp thêm 3 tài liệu, chứng cứ, gồm có Văn bản của Chi cục Thuế quận TB và Giấy chứng nhận đăng

ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0311239898, đăng ký thay đổi lần 3 của bị đơn là những tài liệu được phát hành sau khi Tòa án đã xét xử sơ thẩm nên các đương sự không thể có để cung cấp cho Tòa án khi giải quyết sơ thẩm. Còn lại Văn bản ngày 30/12/2016 của Công ty TNHH TM Thép TT đính chính sai sót về đánh máy ngày ký của Hợp đồng mua bán số 09-TT/HĐMB là văn bản được Công ty TNHH TM Thép TT phát hành trong giai đoạn giải quyết sơ thẩm vụ án nhưng không có tài liệu thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu nguyên đơn phải cung cấp tài liệu này. Căn cứ Điểm b, Khoản 1, điều 287 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 việc bổ sung các chứng cứ này của các đương sự cho Tòa án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét: Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì số thép mà Công ty KD SG phải giao cho Công ty TM là thép cuộn JIUJIANG phi 6.5mm (dung sai +- 10%); tiêu chuẩn Sea 1008B nhưng thực tế Công ty KD SG lại giao cho Công ty TM 4.224,12 tấn thép cuộn phi 6.5mm, tiêu chuẩn Sea 1008B (Boron: 0.008 Pct min) do nhà máy của HEBEI ANFENG IEON & STEEL CO.; LTD sản xuất. Đối chiếu với thỏa thuận tại Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12 thì 4.224,12 tấn thép mà Công ty KD SG đã giao không đúng chủng loại hàng hóa mà hai bên đã thỏa thuận.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 437 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì:

"Trong trường hợp vật được giao không đúng chủng loại thì bên mua có một trong các quyền sau đây:

1. Nhận và thanh toán theo giá do các bên thoả thuận;"

Căn cứ Văn bản trả lời kết quả xác minh số 03/2018/HHTVN ngày 31/01/2018 và số 39/2018/HHTVN ngày 01/8/2018 của Hiệp hội Thép Việt Nam (là hội nghề nghiệp của những doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các nguyên liệu, sản phẩm ngành thép) thì thép cuộn phi 6.5mm, tiêu chuẩn Sea 1008B (Boron: 0.008 Pct min) do nhà máy của HEBEI ANFENG IEON & STEEL CO.; LTD sản xuất và thép cuộn phi 6.5mm, tiêu chuẩn Sea 1008B (Boron: 0.008 Pct min) do nhà máy của JIUJIANG sản xuất đều là thép do Trung quốc sản xuất có tiêu chuẩn tương đương, có giá bán trung bình tại thị trường Thành phố Hồ Chí Minh từ 14.000.000đ/tấn đến 14.200.000đ/tấn (thời điểm tháng 01/2018). Không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh giá thép cuộn phi 6.5mm, tiêu chuẩn Sea 1008B (Boron: 0.008 Pct min) do nhà máy của HEBEI ANFENG IEON & STEEL CO.; LTD sản xuất và giá thép cuộn phi 6.5mm, tiêu chuẩn Sea 1008B (Boron: 0.008 Pct min) do nhà máy của JIUJIANG sản xuất là khác nhau. Đồng thời, việc giao hàng của bị đơn cho nguyên đơn cũng đã quá thời hạn giao hàng mà 2 bên đã thỏa thuận. Do đó, ý kiến của nguyên đơn cho rằng việc đồng ý nhận số thép này của bị đơn là nhằm để hạn chế các thiệt hại do vi phạm của bị đơn gây ra là phù hợp với quy định tại Điều 305 của Luật Thương mại năm 2005 về nghĩa vụ hạn chế tổn thất của bên bị vi phạm. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty TM đồng ý

nhận 4.224,12 tấn thép mà Công ty KD SG đã giao từ đó chấp nhận yêu cầu của Công ty TM buộc Công ty KD SG phải xuất hóa đơn hàng hóa theo giá mà hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12 và được quyền hoàn tất các thủ tục về nghĩa vụ thuế với nhà nước là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét: Theo thỏa thuận của 2 bên tại điểm 5.1 Điều 5 của Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12 trong trường hợp không giao đủ số lượng hàng hóa theo thỏa thuận thì bên bán có các trách nhiệm như sau:

"Nộp phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng với mức phạt là 5% giá trị của số lượng hàng không giao đủ. Ngoài ra, bên A phải bồi thường lãi suất ngân hàng phát sinh cho bên B tương ứng với giá trị lượng hàng không giao đủ (lãi suất tính trong hợp đồng mua bán này là 2,53%/năm).

Tại điểm 5.2 Điều 5 của Hợp đồng số 01/HĐBB/AP-TM-KD, hai bên và AA cũng thỏa thuận:

"Trong trường hợp việc mua bán lô hàng giữa bên B (bên bán) và bên C (bên mua) không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ theo Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12 mà việc này do lỗi của bên b thì bên B phải nộp phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng với mức phạt là 5% giá trị của số lượng hàng không giao đủ cho bên C. Ngoài ra, bên A phải bồi thường lãi suất ngân hàng và các chi phí ngân hàng phát sinh cho bên C, kể từ ngày bên C nhận nợ đến khi bên a thu hết nợ gốc tương ứng với giá trị lượng hàng không giao đủ."

Mặc dù các bên có thỏa thuận số lượng hàng hóa mua bán là 5.800 tấn +/- 10% nhưng không có thỏa thuận tiền phạt vi phạm hợp đồng phải +/- 10%.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Luật Thương mại năm 2005 thì:

"1. Các bên có quyền tự do thoả thuận không trái với các quy định của pháp luật, thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động thương mại. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ các quyền đó.".

Công ty KD SG đã thỏa thuận bán cho Công ty TM 5.800 tấn thép với tổng số tiền là 44.080.000.000đ, Công ty TM đã thanh toán đủ số tiền 44.080.000.000đ tương ứng với 5.800 tấn thép nhưng Công ty KD SG chỉ giao được 4.224,12 tấn thép, thành tiền là 32.103.312.000đ, còn thiếu 1.575,88 tương ứng với số tiền đã nhận là 11.976.688.000đ. Công ty KD SG đã hoàn trả cho Công ty TM 11.300.000.000đ và còn giữ của Công ty TM số tiền là 676.688.000đ.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty TM buộc Công ty KD SG phải trả lại Công ty TM số tiền còn đang giữ của Công ty TM, phạt 5% tương ứng với trị giá lượng hàng không giao đủ theo giá mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng và số tiền lãi trên số tiền đã nhận nhưng không có hàng để giao với mức lãi suất 2,53%/năm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngoài ra, do Công ty KD SG không giao đủ hàng hóa theo thỏa thuận, Công ty TM đã phải mua 1.420.135 kg thép với tổng số tiền là 15.605.225.631đ của Công ty TNHH TM Thép TT (gọi tắt là Công ty Thép TT) và Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là Công ty SMC) để bù vào số hàng hóa mà Công ty KD SG đã không giao, làm phát sinh số tiền chênh lệch giá là 4.774.237.631đ. Số lượng thép mà Công ty TM đã mua không vướt quá số lượng thép mà Công ty KD SG đã giao thiếu, có hợp đồng mua bán, chứng từ giao hàng, chứng từ thanh toán và có kê khai thuế với cơ quan thuế nhà nước. Để có tiền thanh toán cho Công ty Thép TT và Công ty SMC, Công ty TM đã phải vay tiền của AA và Viettinbank-CN12 và đã phải trả tiền lãi vay cho AA và Viettinbank-CN12 với số tiền là 151.853.670,18đ.

Xét: Theo thỏa thuận của 2 bên tại Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12 thì Công ty KD SG phải giao hàng trong thời hạn chậm nhất là ngày 25/3/2016, thực tế số lượng thép mà Công ty TM phải mua của Công ty Thép TT đều phát sinh sau thời hạn 25/3/2016. Trước khi mua hàng ngày 13/4/2016 Công ty TM đã có đơn đặt hàng số 04 trong đó ghi rõ tên hàng hóa là thép phi 6.5 cuộn Juijang, đơn giá là 10.254,54đ/kg, các hóa đơn giao hàng đều sau ngày 10/5/2016, số thép giao hàng thể hiện trên hóa đơn cũng là phi 6.5 với đơn giá là 10.254,54đ/kg. Hàng hóa mà Công ty TM thỏa thuận mua của Công ty Thép TT tại Hợp đồng mua bán số 09-TT/HĐMB cũng là thép cuộn Juijang phi 6.5, đơn giá là 10.254,54đ/kg, thời gian giao hàng bắt đầu từ ngày 11/5/2016. Tại Văn bản đề nghị đính chính ngày 30/12/2016, Công ty Thép TT cũng xác định hợp đồng được ký ngày 10/5/2016 nhưng ghi nhầm thành ngày 10/5/2015. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lời trình bày của Công ty TM về việc Hợp đồng mua bán số 09-TT/HĐMB có nhầm lẫn trong việc ghi ngày ký kết và xác định ngày ký hợp đồng là ngày 10/5/2016 và hàng hóa mà Công ty TM mua của Công ty Thép TT phù hợp với hàng hóa mà Công ty KD SG phải giao cho Công ty TM là có căn cứ.

Xét: Công ty KD SG đã nhận đủ số tiền hàng là 44.080.000.000đ. Trường hợp Công ty KD SG giao đủ hàng hóa theo thỏa thuận thì Công ty TM không phải mua hàng hóa khác để bù đắp số hàng mà Công ty KD SG đã không giao đủ và không phải trả thêm số tiền chênh lệch giá và tiền lãi vay nêu trên nên số tiền chênh lệch giá và tiền lãi vay này là các thiệt hại thực tế do việc vi phạm hợp đồng của Công ty KD SG đã gây ra cho Công ty TM.

Theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 297 của Luật Thương mại năm 2005 thì"

"2. Trường hợp bên vi phạm giao thiếu hàng hoặc cung ứng dịch vụ không đúng hợp đồng thì phải giao đủ hàng hoặc cung ứng dịch vụ theo đúng thoả thuận trong hợp đồng. Trường hợp bên vi phạm giao hàng hoá, cung ứng dịch vụ kém chất lượng thì phải loại trừ khuyết tật của hàng hoá, thiếu sót của dịch vụ hoặc giao hàng khác thay thế, cung ứng dịch vụ theo đúng hợp đồng. Bên vi phạm không được dùng tiền hoặc hàng khác chủng loại, loại dịch vụ khác

để thay thế nếu không được sự chấp thuận của bên bị vi phạm.

3. Trong trường hợp bên vi phạm không thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này thì bên bị vi phạm có quyền mua hàng, nhận cung ứng dịch vụ của người khác để thay thế theo đúng loại hàng hoá, dịch vụ ghi trong hợp đồng và bên vi phạm phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có ".

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty KD SG phải bồi thường cho Công ty TM số tiền chênh lệch giá và tiền lãi vay nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. 4.224,12 tấn thép mà bị đơn đã giao cho nguyên đơn được xác định là hàng hóa mà bị đơn đã giao, nguyên đơn đã nhận và được trừ vào số tiền tương ứng mà nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn theo hợp đồng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của bị đơn về việc đòi nguyên đơn phải trả lại số hàng này; đồng thời hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời liên quan đến số thép này là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 308; Điều 313 và Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/KDTM-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân quận TB:

1) Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên KD SG nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư P:

- Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật phải xuất hóa đơn của 4.224,12 tấn thép cuộn phi 6.5mm, tiêu chuẩn Sea 1008B (Boron: 0.008 Pct min) do nhà máy của HEBEI ANFENG IEON & STEEL CO.; LTD sản xuất, đơn giá (đã có 10% thuế giá trị gia tăng) là 7.600.000đ/tấn, thành tiền là 32.103.312.000đ mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dệt May Thương mại TM (gọi tắt là Công ty TM) đã nhận theo Hợp đồng số 68/HĐKT/KD-TM 215.12 ngày 29/12/2015 và Thông báo giao hàng ngày 17/3/2016 cho Công ty TM. Quá thời hạn quy định mà Công ty KD SG không thực hiện thì Công ty TM được quyền sở hữu toàn bộ số thép trên và có quyền

kê khai hàng hóa với cơ quan thuế có thẩm quyền để sử dụng lô hàng và có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Thuế hiện hành.

- Phải hoàn trả, chịu phạt phạt, bồi thường cho Công ty TM tổng số tiền là 6.459.828.941đ (sáu tỉ, bốn trăm năm mươi chín triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi mốt đồng).

Thời hạn thanh toán: Khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp chậm thanh toán thì phải trả thêm số tiền lãi với mức lãi bằng mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2) Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Công ty TM đòi Agribank phải thanh toán số tiền 11.300.000.000đ và yêu cầu của Công ty TM đòi Công ty KD SG phải thanh toán số tiền là 3.577.978.770đ.

3) Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 34/2017/QĐBPKCTT ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân quận TB.

4) Bác yêu cầu phản tố của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên KD SG nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư P đòi Công ty TM phải trả lại 4.224,12 tấn thép cuộn đã nhận.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Công ty TM, thành tiền là 114.459.829đ (một trăm mười bốn triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị phần yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận, thành tiền là 158.267.028đ; cấn trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AD/2016/0011470 ngày 20/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư P còn phải nộp bổ sung số án phí là 79.133.514đ (bảy mươi chín triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm mười bốn đồng).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư P phải chịu 2.000.000đ án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào 2.000.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đương sự đã nộp theo Biên lai thu số AD/2017/0008908 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB.

Hoàn trả Công ty TM 64.500.397đ (sáu mươi bốn triệu, năm trăm nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đương sự đã nộp theo Biên lai thu số AD/2016/0010739 ngày 29/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận về thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân quận TB;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận TB;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Khắc Tuấn